

Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2019

**NGHỊ QUYẾT**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2019**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5**

**Căn cứ:**

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc Hội nước Cộng hòa XHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua ngày 21/4/2018;
- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 tổ chức ngày 20/04/2019,  
**Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2019 Công ty Cổ phần Sông Đà 5**

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Thông qua các nội dung sau:

1. Thông qua Báo cáo Kết quả hoạt động SXKD năm 2018 và Kế hoạch SXKD năm 2019 như sau:
  - Tổng giá trị SXKD: 1.271,30/KH 1.250,00 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch năm.
  - Tổng doanh thu: 1.307,78 /KH 1.346,45 tỷ đồng, đạt 97% kế hoạch năm.
  - Lợi nhuận trước thuế: 22,96 /KH 34,87 tỷ đồng, đạt 66% kế hoạch năm.
  - Lợi nhuận sau thuế: 16,46/KH 27,89 tỷ đồng, đạt 59% kế hoạch năm.
  - Nộp Ngân sách: 21,25 /KH 43,76 tỷ đồng, đạt 49% kế hoạch năm.
  - Tổng tài sản: 1.434,75/KH 1.400,00 tỷ đồng, đạt 102% kế hoạch năm.
  - Thu nhập bình quân: 11,87/KH 9,90 triệu đồng/người/tháng, đạt 120% kế hoạch năm.
  - Cổ tức dự kiến: 8%/KH 10%, đạt 80% kế hoạch năm
2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 với những chỉ tiêu chính sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2018	Ghi chú
A	<b>GIÁ TRỊ SXKD</b>	10 <sup>9</sup> đ	<b>1.300,00</b>	
B	<b>KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH</b>			
I	<b>Doanh số bán hàng (1+2)</b>	10 <sup>9</sup> đ	<b>1.359,02</b>	
1	Doanh thu	10 <sup>9</sup> đ	1.270,00	
2	Thuế GTGT đầu ra	10 <sup>9</sup> đ	89,02	
II	<b>Lợi nhuận</b>			
1	Lợi nhuận trước thuế	10 <sup>9</sup> đ	39,00	
2	Lợi nhuận sau thuế	10 <sup>9</sup> đ	31,20	

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KH năm 2018	Ghi chú
3	Cổ tức dự kiến	%	10,00	
<b>III</b>	<b>Nguồn vốn chủ sở hữu cuối kỳ</b>	<b>10<sup>9</sup>đ</b>	<b>487,98</b>	
a	Vốn điều lệ	10 <sup>9</sup> đ	259,99	
-	Trong đó: Vốn nhà nước	10 <sup>9</sup> đ	166,80	
b	Quỹ đầu tư phát triển	10 <sup>9</sup> đ	143,06	
c	Thặng dư vốn cổ phần	10 <sup>9</sup> đ	43,13	
d	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	10 <sup>9</sup> đ		
e	Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	10 <sup>9</sup> đ	10,60	
f	Lợi nhuận chưa phân phối	10 <sup>9</sup> đ	31,20	
<b>IV</b>	<b>Tổng tài sản cuối kỳ</b>	<b>10<sup>9</sup>đ</b>	<b>1.400,00</b>	
	<b>Nợ phải trả cuối kỳ</b>	<b>10<sup>9</sup>đ</b>	<b>912,03</b>	
1	Hệ số nợ phải trả/ Vốn điều lệ	Lần	3,55	
2	Hệ số nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu	Lần	1,93	

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

3. Thông qua Báo cáo của Hội đồng quản trị.

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

4. Thông qua Báo cáo của Ban Kiểm soát.

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

5. Thông qua tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán kiểm toán BCTC năm 2019 là Công ty TNHH KPMG (KPMG)

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

6. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã kiểm toán.

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

7. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2018.

TT	Nội dung	Số tiền (VNĐ)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lợi nhuận và nghĩa vụ ngân sách năm 2018</b>		
1	Lợi nhuận trước thuế năm 2018	22.964.262.442	

2	Thuế TNDN hiện hành	6.503.881.763	
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2018	16.460.380.679	
4	Lợi nhuận sau thuế năm 2017 chưa phân phối	6.862.710.909	
5	Lợi nhuận sau thuế lũy kế đến năm 2018	23.323.091.588	
6	Lợi nhuận phục vụ phân phối	23.323.091.988	
<b>II</b>	<b>Phân phối lợi nhuận</b>	<b>23.323.091.588</b>	
1	Quỹ đầu tư phát triển	-	
2	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.523.213.188	
-	<i>Quỹ khen thưởng</i>	756.963.956	30%
-	<i>Quỹ phúc lợi</i>	1.766.249.232	70%
3	Lợi nhuận chia cổ tức năm 2018 (8% VDL)	20.799.878.400	
<b>III</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối</b>		

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ..... % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

8. Thông qua tờ trình quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty năm 2018 và phương án chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2019.
- a. Tổng mức chi trả năm 2018 là 544.328.380 đồng/KH 668.000.000 đồng đạt 81,49% kế hoạch, mức chi trả thù lao cho Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện nghiêm túc theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018.

Số cổ phần biểu quyết tán thành là: 17.454.697 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.

- b. Kế hoạch chi trả năm 2019:

ĐVT: VNĐ

STT	Nội dung	Mức thù lao/tháng/người	Mức lương/tháng/người
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách		45.000.000
2	Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm	10.000.000	
3	Tổng giám đốc kiêm TV HĐQT	6.000.000	
4	Phó tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT	6.000.000	
5	Thành viên HĐQT độc lập	6.000.000	
5	Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách		25.000.000
6	Thành viên Ban kiểm soát	5.000.000	
7	Thư ký Công ty	5.000.000	

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ ...% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

9. Thông qua nội dung miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội:
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 thông qua việc miễn nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng quản trị đối với ông Trần Hữu Hùng.

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội.*

10. Thông qua nội dung bầu bổ sung Thành viên Hội đồng quản trị
- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đã bầu ....., Sinh năm:....., nghề nghiệp: ..... giữ chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 5 thời gian còn lại của nhiệm kỳ 2015-2020.

*Số cổ phần biểu quyết tán thành là: ..... cổ phần, chiếm tỷ lệ .....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.*

**Điều 2.** Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 5 triển khai, thực hiện các nội dung trên theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ Công ty và báo cáo kết quả thực hiện vào kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên kế tiếp.

**Điều 3.** Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 5 và các đơn vị trực thuộc Công ty căn cứ Quyết nghị thực hiện ./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Nơi nhận:**

- UBCKNN, SGDCCKHN;
- ĐHĐCĐ;
- Các TV HĐQT, BKS Công ty;
- Ban giám đốc Công ty;
- Lưu HĐQT, HCNS.

**Trần Anh Đức**

